

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày 29-03-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Bà Nguyễn Thị Tư

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2024/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bình C; nơi cư trú: Xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 99/2022/GUQ-CNHP ngày 30/12/2022); có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Mạnh L; nơi cư trú: Phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết là Ngân hàng) cấp thẻ tín dụng cho anh Trần Mạnh L căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng do anh Trần Mạnh L ký ngày 06/11/2018. Cụ thể: Số thẻ tín dụng: 356480*****1340; ngày cấp: 14/11/2018; loại thẻ: JCB (thẻ tín dụng quốc tế); hạn mức thẻ: 15.000.000 đồng; lãi suất: 1%/tháng; mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, anh Trần Mạnh L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng đã thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với anh L từ ngày 23/3/2020. Tính đến hết ngày 21/02/2023, anh L còn nợ Ngân hàng số tiền là: 37.110.368 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc 15.554.782 đồng, lãi quá hạn 21.555.586 đồng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu anh Trần Mạnh L phải trả cho Ngân hàng số tiền trên và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 22/02/2023 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa.

Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc bị đơn phải trả số tiền tạm tính đến ngày 29/3/2024 là: Nợ gốc là 12.298.463 đồng; nợ lãi trong hạn là 650.416 đồng; nợ lãi quá hạn là 26.001.114 đồng; phí trễ hạn và phí vượt hạn mức là 432.535 đồng, tổng cộng là 39.382.528 và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/3/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Trần Mạnh L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/3/2024 là 39.382.528 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc 12.298.463 đồng, lãi trong hạn là 650.416,05 đồng; lãi quá hạn là 26.001.114 đồng; phí trễ hạn và phí vượt hạn mức là 432.535 đồng. Anh Trần Mạnh L còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 30/3/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về dân sự giữa Ngân hàng với anh Trần Mạnh L không có mục đích lợi nhuận (tranh chấp về hợp đồng tín dụng) được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng:

[3] Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng do anh Trần Mạnh L ký ngày 06/11/2018 phù hợp với quy định tại các điều 385; 398; 400; 401 của Bộ luật Dân sự. Các bên tham gia giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về số tiền nợ gốc: Quá trình thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng trên, nguyên đơn đã thực hiện việc giải ngân cho bị đơn nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ sang nợ quá hạn. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ gốc theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 12.298.463 đồng. Căn cứ vào các bảng kê nguyên đơn cung cấp, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên có đủ căn cứ chấp nhận, buộc anh Trần Mạnh L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 12.298.463 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[5] Về số tiền nợ lãi: Việc các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã trình bày căn cứ tính lãi, số tiền lãi phù hợp với thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Vì vậy, căn cứ Điều 8; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc anh Trần Mạnh L phải trả toàn bộ số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/3/2024 là 27.084.095 đồng, trong đó: Lãi trong hạn là 650.416 đồng; lãi quá hạn là 26.001.114 đồng; phí trễ hạn và phí vượt hạn mức là 432.535 đồng.

[6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Mạnh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí:

[7] Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: $39.382.528 \text{ đồng} \times 5\% = 1.970.000 \text{ đồng}$ (làm tròn). Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 8; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu:

Buộc anh Trần Mạnh L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu tổng số tiền tính đến ngày 29/3/2024 là: 39.382.528 (ba mươi chín triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi tám) đồng, trong đó gồm: Nợ gốc là: 12.298.463 (mười hai triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi ba) đồng, lãi trong hạn là: 650.416 (sáu trăm năm mươi nghìn, bốn trăm mười sáu) đồng; lãi quá hạn là: 26.001.114 (hai mươi sáu triệu, không trăm linh một nghìn, một trăm mười bốn) đồng; phí trễ hạn và phí vượt hạn mức là: 432.535 (bốn trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi lăm) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/11/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Mạnh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Anh Trần Mạnh L phải chịu 1.970.000 đồng (một triệu, chín trăm bảy mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 927.000 (chín trăm hai mươi bảy nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003001 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn Anh Trần Mạnh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS Quận Ngô Quyền;
- Lưu: HS,.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hảo